ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

BÁO CÁO DỰ ÁN

WDP- Web Development Platform

Nhóm 1:

- 1. Lê Văn Thịnh
- 2. Nguyễn Tuấn Quốc
- 3. Trần Thu Phương
- 4. Nguyễn Minh Quân
- 5. Lê Thanh Tùng

MUC LUC

- I. Tổng quan
 - 1. Mô tả dự án phần mềm
 - 2. Mục đích
- II. Mô tả
 - 1. Tác nhân
 - 2. Đặc tả yêu cầu chức năng
- III. Thiết kế
 - 1. Thiết kế giao diện
 - 2. Thiết kế cơ sở dữ liệu

I. Tổng quan

1. Mô tả dự án phần mềm

Phát triển ứng dụng Web đang là một lĩnh vực đang trên đà phát triển không những ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Bạn là một lập trình viên muốn soạn thảo code nhưng lại ngại download và setup IDE vì khá mất thời gian và tốn nhiều dung lượng bộ nhớ. Đừng lo lắng vì WDP sẽ giúp bạn làm điều này trở nên dễ dàng hơn. WDP là một trình soạn thảo code online được xây dựng để phát triển ứng dụng Web. Bên cạnh đó phần mềm giúp lập trình viên thao tác với github vô vùng nhanh chóng và tiện lợi như: share, save, commit, pull, push code cho github. Trình soạn thảo code online - WDP cho phép tiết kiệm được không gian chứa dữ liệu mà vẫn làm việc chuyên nghiệp như các IDE.

2. Mục đích

Quá trình phát triển webapp WDP sẽ tập trung vào ba vấn đề chính:

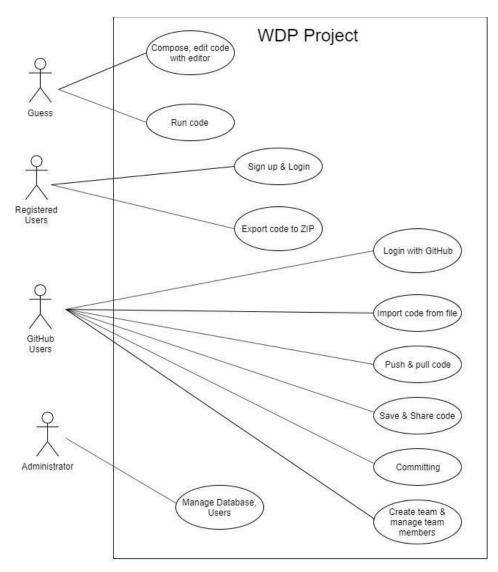
- Đơn giản hóa cách sử dụng trình soạn thảo code:
 - Với WDP, bạn sẽ không phải làm gì để có thể bắt đầu lập trình. Bạn không phải thiết lập môi trường lập trình, bạn cũng không phải cài đặt phụ thuộc. Hơn nữa, UI và UX đơn giản nhưng hữu ích, nó sẽ giúp bạn dễ hiểu, dễ học và dễ sử dụng.
- Có thể chia sẻ và tìm kiếm các bản mẫu:
 - WDP được phát triển hướng tới tính dễ chia sẻ. Source code có thể dễ dàng chia sẻ lên trên Github để bạn có thể teamwork một cách thuận lợi nhất. Nếu bạn là người mới học lập trình, WDP sẽ giúp bạn tiếp cận dễ hơn với ngôn ngữ lập trình thông qua các ví dụ đơn giản.
- Làm việc như một IDE
 - WDP cho phép bạn xây dựng một ứng dụng Web từ đầu đến cuối mà không cần thoát khỏi browser của bạn.

II. Mô tả

1. Actor

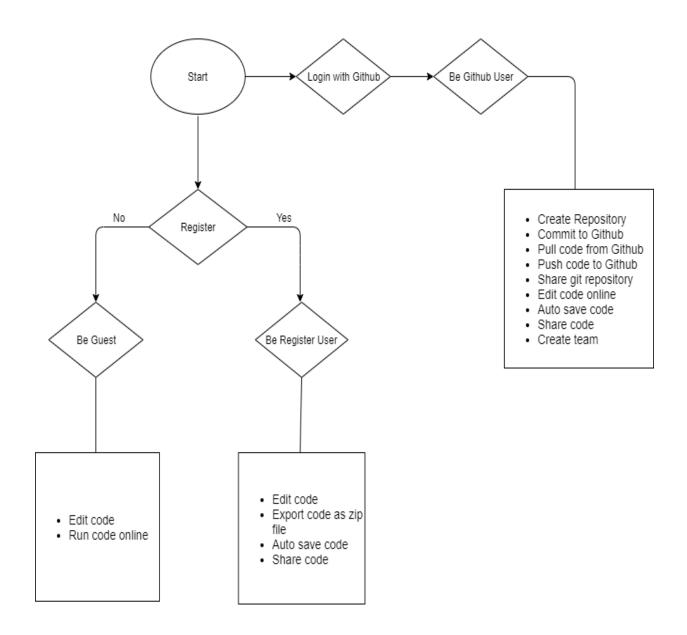
STT	Actor	Mô tả Actor	
1	Guest	- Là đối tượng người dùng chưa có tài khoản	
		sẵn cũng như tài khoản Github. Vì vậy sử	
		dụng được ít chức năng nhất.	
2	Admin	- Là đối tượng quản trị hệ thống. Có quyền	
		cấm các tài khoản vi phạm quy định chung và	
		quản lý CSDL, thông tin người dùng.	
3	Register actor	- Là đối tượng có tài khoản đã đăng ký và	
		được sử dụng các dịch vụ cao hơn Guest.	
4	Github member	- Là đối tượng có tài khoản Github để liên kết	
		với WDP để sử dụng các dịch vụ có sẵn của	
		Github	

Bảng 1: Mô tả Actor



Use case Diagram

Business Process Model



2. Đặc tả yêu cầu chức năng

Actor	Tính năng	ID	Chức năng	Mô tả chức năng
Guest	Development	CN1	Coding	- Người dùng có thể soạn thảo code bằng 3 loại ngôn ngữ lập trình Web: HTML, CSS và JavaScript
		CN2	Running code	- Sau khi viết xong một chương trình, người dùng có thể chạy trực tiếp nó trên web browser để xem kết quả hiển thị.
Register actor	Register	CN3	Sign up	- Cho phép người dùng đăng ký tài khoản mới để có thể sử dụng được các chức năng cao hơn Guest.
		CN4	Login	- Người dùng đăng nhập tài khoản đã có sẵn.
	Exporting	CN5	Exporting to ZIP	- Người dùng có thể export source code về máy tính cá nhân để tiếp tục làm việc qua file ZIP trong trường hợp không có kết nối Internet
	Saving	CN6	Auto Saving code	- Tự động lưu những thay đổi.
Github member	Interacting with Github	CN7	Login with Github	- Sau khi đăng nhập vào Github thì người dùng có thể sử dụng được các dịch vụ của Github.
		CN8	Commiting	- Người dùng có thể commit toàn bộ sự thay đổi của các file trước khi upload lên Github.
		CN9	Importing	- Người dùng có thể import code từ IDE hoặc Github.
		CN10	Sharing code	- Người dùng có thể chia sẻ code lên Github. Chức năng này chủ yếu hỗ trợ khi teamwork.
		CN11	Pulling, pushing code	- Pull hoặc push code trực tiếp lên Github.

Github	Creating team	CN12	Creating team	- Người dùng có thể tạo và quản
member				lý team của mình thông qua
				bảng điều khiển.
		CN13	Inviting team	- Không có giới hạn về số lượng
			members	thành viên của một nhóm. Người
				dùng có thể mời người khác
				bằng cách nhập tên Github của
				họ. Và người được mời có thể từ
				chối hoặc đồng ý.
Admin	Management	CN14	Managing database	- Quản lý hệ cơ sở dữ liệu, có
				quyền thêm, sửa, xóa dữ liệu.
		CN15	Managing users	- Quản lý các tài khoản hợp lệ
				hay không hợp lệ và quản lý các
				hoạt động và thông tin của user.
	Maintaining	CN16	Maintaining	- Có nhiệm vụ bảo trì hệ thống,
			system	đảm bảo cho hệ thống hoạt động
				tốt

Bảng 2. Tóm tắt tính năng và mô tả chi tiết các chức năng

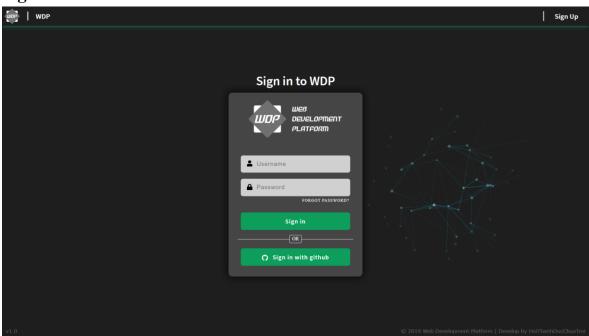
III. Thiết kế

1. Thiết kế giao diện

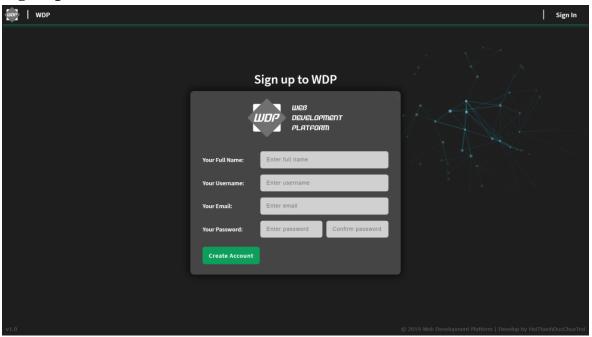
• Landing page:



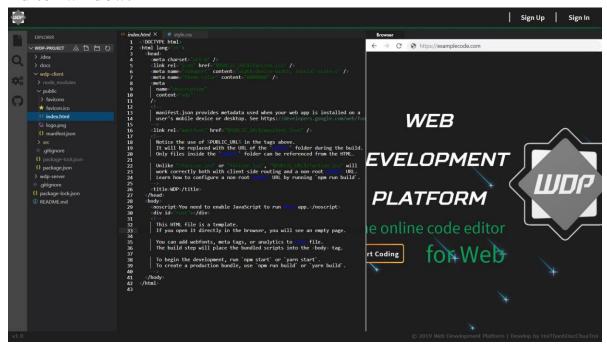
• Sign In window:

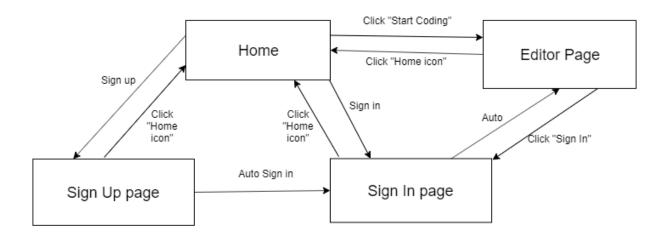


• Sign Up window:



• Editor window:



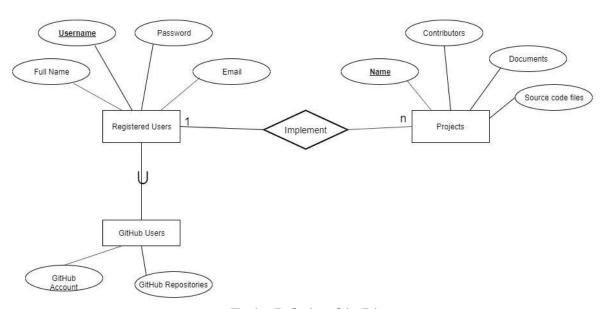


Page Transition Diagram

ID	Tên màn hình	Nội dung hiển thị	Chức năng
P1	Home	- Background giới về ứng dụng.	- Người dùng có thể đăng ký,
		- Lựa chọn đăng ký, đăng nhập	đăng nhập hoặc dùng thử.
		hoặc dùng thử.	
P2	Sign Up page	- Cho người dùng nhập thông	- Người dùng có thể đăng ký tài
		tin đăng ký: họ tên, tên đăng	khoản để sử dụng ứng dụng.
		nhập, mật khẩu, email.	
P3	Sign In page	- Cho người dùng nhập thông	- Người dùng có thể đăng nhập
		tin về tài khoản người dùng đã	để sử dụng ứng dụng.
		đăng ký trước đó: tên đăng	- Người dùng có thể đăng nhập
		nhập, mật khẩu.	bằng Github để sử dụng các
		- Cho người dùng đăng nhập	dịch vụ có sẵn của Github.
		bằng tài khoản Github đã có sẵn.	
P4	Editor page	- Hiển thị thanh công cụ	- Người dùng có thể edit và run
		- Code Editor	code trực tiếp.
			- Người dùng có thể sử dụng
			thanh công cụ để save code,
			share code, export hay các dịch
			vụ liên quan tới Github.

Bảng 3. Bảng tóm tắt màn hình và chức năng

2. Thiết kế cơ sở dữ liệu



Entity Relationship Diagram

Thực thể	Mô tả chức năng
Registered Users	Dùng để lưu thông tin của người dùng đã có đăng ký tài khoản ở hệ thống, bao
(Người dùng đã	gồm thông tin về Tên đăng nhập, mật khẩu, Email, Họ và tên đầy đủ. Họ tên
đăng ký tài khoản)	đầy đủ có thể được hiển thị trong hồ sơ và các dự án của người dùng. Email
	được dùng để cung cấp lại mật khẩu khi quên.
GitHub Users	Dùng để lưu thông tin của người dùng có đăng ký tài khoản và liên kết với tài
	khoản GitHub, bao gồm thông tin hồ sơ GitHub, GitHub Repositories
Projects (Dự án)	Dùng để lưu thông tin của các dự án mà người dùng thực hiện, thông tin bao
	gồm tên của dự án, những người thực hiện, tài liệu, các tệp tin mã nguồn

Bảng 4: Bảng tóm tắt các thực thể và mô tả chức năng